

HUNG HING IMEX CO.,LTD

BAC VINH INDUSTRIAL ZONE - VINH CITY - NGHE AN

TE/FAX : 84-383 514027/026

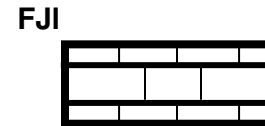
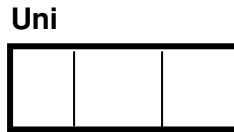
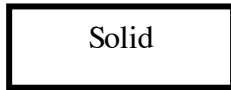
BẢNG BÁO GIÁ SỐ 01/VS

Có giá trị từ 10/01/2010 đến 30/06/2010

Công ty chúng tôi kính gửi đến quý khách bảng báo giá như sau :

TT	TÊN SẢN PHẨM	LOẠI GHÉP	Q- CÁCH- MM DÀY X RỘNG X DÀI	Đ/M2 (1.000Đ)
	VAN SAN			
1	Teak (V)	FJL	15 x 150 x 1820	500
2	Teak (V)	Solid	15 x 90 x 450 ; 600 ; 750 ; 900	500/550/600/650
3	Teak (M)	Solid	15 x 90 x 450 ; 600 ; 750 ; 900	850/900/950/1000
4	Teak (M)	GM 3 MM	15 x 90 x 450 ; 600 ; 750 ; 900	420/440/460/500
5	Teak (M)	FJL	15 x 150 x 1820/ 198 X 1380	650
5	Hương NP	FJL	15 x 150 x 1820	440
6	Hương NP	Uni	15 x 90 x 1820	440
7	Hương NP	Solid	15 x 90 x 450 ; 600 ; 750 ; 900	520/570/570/620
8	Hương Lao	Solid	15 x90 x 450; 600; 750; 900	750/800/850/900
9	Hương Lao	GM 3MM	15 x90 x 450; 600; 750; 900	500/570/570/620
10	Huong Lao	Uni/FJL	15 x90 x 1820 / 15x 150 x 1820	660/ 530
11	Chieu Lieu/Muồng/walnutUc/Sồi	FJL	15 x 150 x 1820	520
12	Chieu Lieu/Muồng/walnutUc/Sồi	Solid	15 x 90 x 450 ; 600 ; 750 ; 900	630/650/650/750
13	Camxe M /malas/ gáo vàng	FJL	15 x 150 x 1820	420
14	Camxe M /malas/ gáo vàng	Uni	15 x 90 x 1820	420
15	Camxe M /malas/ gáo vàng	Solid	15 x 90 x 450 ; 600 ; 750 ; 900	490/520/520/540
16	Cam xe NP	FJL	15 x 150 x 1820	400
17	Cam xe NP	Solid	15 x 90 x 450 ; 600 ; 750 ; 900	420/470/470/520
18	Gỗ NP/Tapang/ Phay	FJL	15 x 150 x 1820	400
19	Gỗ NP/Tapang/ Phay	Uni	15 x 90 x 1820	400
20	Gỗ NP/Tapang/ Phay	Solid	15 x 90 x 450 ; 600 ; 750 ; 900	420/470/470/520
21	Camxe INDO / Camxe ML	FJL	15 x 150 x 1820	400
22	Camxe INDO / Camxe ML	Uni	15 x 90 x 1820	400
23	Camxe INDO / Camxe ML	Solid	15 x 90 x 450 ; 600 ; 750 ; 900	420/470/470/520
24	Birch	Solid	18 x 92 x 910	420
	CHI PHÍ THI CÔNG			
1	Lát Tựa do - sole			35
2	Chân tường			10
3	Lam ry			50
4	Cầu thang			90

	VẬT LIỆU LÓT			
1	Foam (3mm)			55
2	Foam vàng bạc (3mm)			55
1	Gỗ Dày 18 cộng thêm 15% so với 15			
2	Gỗ Rộng 120 cộng thêm 10% với 90 - 150 cộng 15%/90-			
3	Gỗ Dài 1820 cộng thêm 30% /900			



Note :

- Báo giá áp dụng toàn quốc
- Lắp đặt ngoài tỉnh cộng thêm 50% phí thi công - Vận chuyển cộng 100%
- Hao hụt theo đơn hàng từ 5% đến 10%
- Hàng yêu cầu màu sắc thì cộng thêm 15.000đồng /m2
- Giá chưa VAT

Vui lòng liên hệ các chi nhánh và cửa hàng chúng tôi tại

TT	CHI NHÁNH	ĐT	CỬA HÀNG	ĐT
1	TP HCM	08-5 412 0575	MỸ TOÀN 3	08- 5- 412 1343
2	HÀ NỘI	04-6 266 1737	BẠCH ĐĂNG	08- 3- 878 3375
3	ĐÀ NẴNG	0511-3 759 888	THANH TOÀN	08- 3- 409 1915
4	BÌNH DƯƠNG	0650-3 501 511	NGHỆ AN	038-3- 594 592

Hotline : 091 3 273 368 (Chị Trâm)

CK THEO THÔNG BÁO TỪNG NƠI

BẢNG BÁO GIÁ SỐ 02/CT
Áp dụng từ 10/01/2010 đến 30/06/2010

Công ty chúng tôi kính gửi đến quý khách bảng báo giá như sau :

TT	TÊN SẢN PHẨM	LOẠI GHÉP	Q- CÁCH- MM DÀY X RỘNG X DÀI	1000Đ/MD	
	LAM RY				
1	Teak V	Solid	15 x 50 - 70 x 750;900	450	
2	Hương NP	Solid	15 x 50 - 70 x 750;900	450	
3	Cam xe các loại	Solid	15 x 50 - 70 x 750;900	450	
	LEN TƯỜNG				
1	Teak V	Uni	15 x 90 x 1820	100/MD	
2	Teak M	Uni	15 x 90 x 1820	130/MD	
3	Cămxe, Kempas, Tapang, Gỗ NP	Uni	15 x 90 x 1820	65/MD	
4	Hương NP, Cămxe NP	Uni	15 x 90 x 1820	70/MD	
5	Hương Lào	Uni	15 x 90 x 1820	115/MD	
6	Hương Lào	Solid	15 x 90 x 1820	150/MD	
7	Hương NP, Cămxe NP	Solid	15 x 90 x 1820	90/MD	
8	Cămxe, Kempas, Tapang, Gỗ NP	Solid	19 x 90 x 1820	85/MD	
9	Chân tường phủ màu	FJL	15 x 90/120 x 1820	30/MD	
10	Phào Cxe các loại	Uni	15x20/30x1820	12/MD	
	DECKING				
1	Camxe ID/-Tapang	DKN-1- 45	30 X 450 X 450	60/TẤM	Không Gân
2	Camxe ID/-Tapang	DKN-1- 30	30 X 300 X 300	35/TẤM	Không Gân
3	Camxe ID/-Tapang	DKN-2- 45	30 X 450 X 450	70/TẤM	1 Mặt Gân
4	Camxe ID/-Tapang	DKN-2- 30	30 X 300 X 300	45/TAM	1 Mặt Gân
	VAN LAT CAU THANG	Không phải mặt vuông cộng 50%			
1	Hương NP/ Chieu Lieu	FJL	23;22 x 200-370 x 700-1400	1000	
2	Muồng/ Teak V	FJL	23;22 x 200-370 x 700-1401	1000	
3	Cam xe các loại	FJL	23;22 x 200-370 x 700-1400	980	
4	Gỗ NP-Tapang	FJL	23;22 x 200-370 x 700-1400	950	
5	Teak M	FJL	23;22 x 200-370 x 700-1400	1100	

BẢNG BÁO GIÁ DECKING**(BẢNG GIÁ CÓ GIÁ TRỊ TỪ 10/01/2010 ĐẾN 30/06/2010)**

Công ty chúng tôi hân hạnh gửi tới quý khách hàng báo giá sản phẩm sàn gỗ tự nhiên cao cấp như sau:

SỐ TT	TÊN SẢN PHẨM	LOẠI GHÉP	DÀY X RỘNG X DÀI	Đ/M2	GHI CHÚ
D	DECKING				
1	CAMXE INDO /TAPANG	DKN-1- 45	30 X 450 X 450	60/TẤM	KHÔNG GAN 2 MAT
2	CAMXE INDO /TAPANG	DKN-1- 30	30 X 300 X 300	35/TẤM	KHÔNG GAN 2 MAT
3	CAMXE INDO /TAPANG	DKN-2- 45	30 X 450 X 450	70/TẤM	1 MAT GAN
4	CAMXE INDO /TAPANG	DKN-2- 30	30 X 300 X 300	45/TAM	1 MAT GAN
5	CAMXE INDO /TAPANG	T-1-45	30 X 450 X 450	75/TẤM	Thanh Thẳng
6	CAMXE INDO /TAPANG	T-1-30	30 X 300 X 300	50/TAM	Thanh Thẳng
7	TEAK M	DKN-2- 45	30 X 450 X 450	100/TẤM	1 MAT GAN
8	TEAK M	DKN-2- 30	30 X 300 X 300	90/TẤM	1 MAT GAN
9	TEAK M	T-1-45	30 X 450 X 450	110/TẤM	Thanh Thẳng
10	TEAK M	T-1-30	30 X 300 X 300	100/TẤM	Thanh Thẳng
*	DKN-1-300/450 Tấm - có chiều dài từ 40-50-60-70-80				
*	DKN-2-300/450 Tấm - có chiều dài từ 40-50-60-70-80				
*	T-1-300/450 Tấm- có chiều dài từ 40-50-60-70-80				
*	Decking lắp theo M2 ván sàn thì tính giá theo Ván Sàn hoặc Lamry				

CK theo thông báo

CÔNG TY TNHH XNK HÙNG HƯNG